

PHỤ LỤC 2
NGUYÊN TẮC VÀ KẾT QUẢ CHUYỂN ĐỔI
BIỂU THUẾ AIFTA TỪ AHTN2017 - AHTN2022

(Kèm theo Tờ trình Chính phủ số /TTr-BTC ngày tháng năm 2022)

I. Nguyên tắc chuyển đổi biểu thuế

1. Căn cứ pháp lý và cơ sở chuyển đổi kỹ thuật.

Việc chuyển đổi biểu cam kết được thực hiện trên cơ sở sau:

- Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 08/3/2022 của Chính phủ phê duyệt Danh mục Biểu thuế hài hòa ASEAN phiên bản 2022;
- Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 28/12/2016 của Chính phủ phê duyệt Danh mục Biểu thuế hài hòa ASEAN phiên bản 2017;
- Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Bảng tương quan 2 chiều AHTN 2022 và AHTN 2017 đã được các nước ASEAN thống nhất;
- Dự thảo Thông tư ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

2. Nguyên tắc chuyển đổi biểu cam kết

Để đảm bảo việc chuyển đổi không làm xói mòn cam kết của Hiệp định, trên cơ sở tài liệu hướng dẫn chuyển đổi của WTO, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và một số FTA đang thực hiện của Việt Nam (như ASEAN - Trung Quốc, ASEAN - Hàn Quốc, ASEAN - Ôt-xtrây-lia - Niu Di-lân), Tổ công tác trình Bộ thống nhất áp dụng nguyên tắc như sau:

(i) Trường hợp dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được giữ nguyên hoặc tách dòng so với AHTN 2017: Áp dụng nguyên tắc lấy cam kết thuế quan theo dòng hàng AHTN 2017 để đảm bảo sự ổn định, không tạo ra biến động về thuế suất.

(ii) Trường hợp gộp các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 giống nhau: Áp dụng nguyên tắc nhập dòng và lấy cam kết chung của các dòng hàng AHTN 2017.

(iii) Trường hợp gộp các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 khác nhau:

+ Tiến hành tách dòng (thêm mã 10 số trên cơ sở mã 8 số của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam) để vừa tuân thủ cam kết và không đẩy nhanh lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu của Việt Nam;

+ Trường hợp khác biệt thuế nhưng không có kim ngạch, không có tác động giảm thu NSNN (hoặc tác động không lớn) thì xem xét nhập dòng và áp dụng mức cam kết ưu đãi nhất để đơn giản biểu thuế.

+ Trường hợp không thể tách được do không khả thi về mặt kỹ thuật/phân loại thì nhập dòng và áp dụng mức cam kết ưu đãi nhất.

II. Kết quả chuyển đổi biểu thuế AIFTA

Theo tương quan thống nhất trong ASEAN, 11.414 dòng hàng theo AHTN 2022 cấp độ 8 số được chia thành 03 trường hợp chuyển đổi mã hàng như sau:

2.1. Trường hợp dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 tương quan chuyển đổi 1:1 với AHTN 2017 (mã hàng không thay đổi)

Trong số 11.414 dòng hàng theo Danh mục AHTN 2022, có 11.014 dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được chuyển đổi 1:1 (mã hàng không thay đổi) so với AHTN 2017. Theo đó, đã áp dụng nguyên tắc lấy cam kết thuế quan theo dòng hàng AHTN 2017.

2.2. Trường hợp gộp các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 giống nhau

Trong số 11.414 dòng thuế theo Danh mục AHTN 2022, có 350 dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được gộp từ các dòng có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 giống nhau. Theo đó đã áp dụng nguyên tắc nhập dòng và lấy cam kết chung của các dòng hàng AHTN 2017.

2.3. Trường hợp gộp các dòng thuế có cam kết theo AHTN 2017 khác nhau

Trong số 11.414 dòng thuế theo Danh mục AHTN 2022, có 50 dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được gộp các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 khác nhau. Kết quả xử lý đối với các dòng hàng này cụ thể như sau:

1. Mã hàng 0307.49.31 (AHTN 2022) có mô tả là Mực nang (*Sepia officinalis*, *Rossia macrosoma*, *Sepiola spp.*) và mực ống (*Ommastrephes spp.*, *Loligo spp.*, *Nototodarus spp.*, *Sepioteuthis spp.*) - để hun khói

- Được tách một phần từ mã hàng 0307.49.30 có mô tả là Mực nang và mực ống – để hun khói.

- Tại AIFTA, mặt hàng này chỉ tương quan với mã 10 số là 0307.49.30.10 (Mực nang (*Sepia officinalis*, *Rossia macrosoma*, *Sepiola spp.*) và mực ống (*Ommastrephes spp.*, *Loligo spp.*, *Nototodarus spp.*, *Sepioteuthis spp.*)).

- Phương án xử lý: Lấy tương quan thuế với mã hàng 0307.49.30.10.

2. Mã hàng 0307.49.39 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác (Được hiểu là Mực nang và mực ống – để hun khói trừ Mực nang (*Sepia officinalis*, *Rossia macrosoma*, *Sepiola spp.*) và mực ống (*Ommastrephes spp.*, *Loligo spp.*, *Nototodarus spp.*, *Sepioteuthis spp.*))

- Được tách một phần từ mã hàng 0307.49.30 có mô tả là Mực nang và mực ống – để hun khói.

- Tuy nhiên, tại AIFTA, mặt hàng này chỉ tương quan với mã 10 số là 0307.49.30.90 (Mực nang và mực ống hun khói – loại khác).

- Phương án xử lý: Lấy tương quan thuế với mã hàng 0307.49.30.90.

3. Mã hàng 1211.20.10 (AHTN2022) có mô tả là Rễ cây nhân sâm loại tươi hoặc khô

4. Mã hàng 1211.20.90 (AHTN2022) có mô tả là rễ cây nhân sâm loại khác

- Hai mã này được tách từ mã 1211.20.00 có mô tả là Rễ cây nhân sâm. Tại AIFTA, mã hàng này hiện được tách thành hai mã 10 số là:

1211.20.00 - Rễ cây nhân sâm

1211.20.00.10 - - Dạng tươi hoặc khô

1211.20.00.90 - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh/ Loại khác

- Theo đó, mã hàng 1211.20.10 chỉ tương quan với mã 10 số là 1211.20.00.10 và mã hàng 1211.20.90 chỉ tương quan với mã 10 số là 1211.20.00.90

- Phương án xử lý: lấy tương quan tương ứng với dòng 10 số, cụ thể:

+ Mã hàng 1211.20.10 (AHTN 2022) lấy theo thuế suất 1211.20.00.10 (AHTN 2017).

+ Mã hàng 1211.20.90 (AHTN 2022) lấy theo thuế suất 1211.20.00.90 (AHTN 2017).

5. Mã 1211.30.00 (AHTN2022) có mô tả Lá coca

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại AIFTA mã hàng này được tách thành 3 mã 10 số tuy nhiên hiện thuế suất đều đã về 0%.

- Phương án xử lý: Lấy thuế suất 0%.

6. Mã 1211.40.00 (AHTN2022) có mô tả là Thân cây anh túc.

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại AIFTA mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tuy nhiên hiện thuế suất đều đã về 0%.

- Phương án xử lý: Lấy thuế suất 0%.

7. Mã 1211.50.00 (AHTN2022) có mô tả là Cây ma hoàng

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại AIFTA mã hàng này được tách thành 3 mã 10 số tuy nhiên hiện thuế suất đều đã về 0%.

- Phương án xử lý: Lấy thuế suất 0%.

8. Mã 1211.60.00 (AHTN2022) có mô tả là Vỏ anh đào Châu Phi (Prunus africana)

- Được gộp từ 2 mã AHTN2017 là mã 1211.90.16 có mô tả là loại khác, đã cắt nghiền hoặc dạng bột; và mã 1211.90.19 có mô tả là loại khác.

- Tại AIFTA, các mã 1211.90.16 và 1211.90.19 đều được tách thành 2 mã là:

1211.90.1x.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.1x.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Hiện có sự đồng nhất về thuế suất tại mã 1211.90.16.90 và 1211.90.19.90

- Phương án xử lý: Tách thành 3 dòng thuế, cụ thể như sau:

1211.60.00 - Vỏ anh đào Châu Phi (Prunus africana):

1211.60.00.10 - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh (tương quan với mã 1211.90.16.90)

1211.60.00.20 - - Dạng tươi hoặc khô, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột (tương quan với mã 1211.90.16.10)

1211.60.00.90 - - Loại khác (tương quan với mã 1211.90.19.10)

9. Mã 1211.90.11 có mô tả Cây gai dầu, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột;

10. Mã 1211.90.12 có mô tả Cây gai dầu, ở dạng khác

11. Mã 1211.90.13 có mô tả Rễ cây ba gác hoa đỏ.

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại AIFTA, các mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1211.90.1x.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.1x.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Tuy nhiên thuế suất các mã trên đều đã về 0% từ năm 2019.

- Phương án xử lý: Lấy thuế suất 0%.

12. Mã 1211.90.15 (AHTN2022) có mô tả Rễ cây cam thảo.

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại AIFTA các mã hàng này được tách thành 3 mã 10 số có mô tả là:

1211.90.15 - - - Rễ cây cam thảo:

1211.90.15.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô, đã cắt, nghiền hoặc xay thành bột

1211.90.15.20 - - - - Dạng tươi hoặc khô, loại khác

1211.90.15.30 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Tuy nhiên thuế suất các mã trên đều đã về 0% từ năm 2019.

- Phương án xử lý: Lấy thuế suất 0%.

13. Mã 1211.90.17 có mô tả là Loại khác, tươi hoặc khô, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột,

14. Mã 1211.90.18 có mô tả là Loại khác, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột

- Hai mã này được tách từ mã 1211.90.16 có mô tả là Rễ cây nhân sâm.

- Tại AIFTA, mã hàng này hiện được tách thành hai mã 10 số là:

1211.90.16 - - - Loại khác, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột:

1211.90.16.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.16.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

- Theo đó, mã hàng 1211.90.17 chỉ tương quan với mã 10 số là 1211.90.16.10 và mã hàng 1211.90.18 chỉ tương quan với mã 10 số là 1211.90.16.90

- Phương án xử lý: Lấy tương quan tương ứng với dòng 10 số, cụ thể:

+ Mã hàng 1211.90.17 (AHTN 2022) lấy theo thuế suất của Mã 1211.90.16.10 (AHTN 2017).

+ Mã hàng 1211.90.18 (AHTN 2022) lấy theo thuế suất của Mã 1211.90.16.90 (AHTN 2017).

15. Mã 1211.90.19 (AHTN2022) có mô tả là Loại khác

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và mô tả so với AHTN 2017.

- Tại AIFTA, được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1211.90.19 - - - Loại khác:

1211.90.19.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.19.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Tuy nhiên thuế suất các mã trên đều đã về 0% từ năm 2019.

- Phương án xử lý: Lấy thuế suất 0%.

16. Mã 1211.90.91 có mô tả là Cây kim cúc, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột;

17. Mã 1211.90.92 có mô tả là Cây kim cúc, ở dạng khác;

18. Mã 1211.90.94 có mô tả là Mảnh gỗ đàn hương;

19. Mã 1211.90.95 có mô tả là Mảnh gỗ trầm hương (Gaharu)

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại AIFTA, các mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1211.90.9x - - - Cây kim cúc, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột:

1211.90.9x.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.9x.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Tuy nhiên thuế suất các mã trên đều đã về 0% từ năm 2019.

- Phương án xử lý: Lấy thuế suất 0%.

20. Mã 1211.90.97 (AHTN2022): Vỏ cây Persea (Persea Kurzii Kosterm)

- Tại AIFTA, mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1211.90.97 - - - Vỏ cây Persea (Persea Kurzii Kosterm):

1211.90.97.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.97.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh/Loại khác

Tuy nhiên thuế suất các mã trên đều đã về 0% từ năm 2019.

- Phương án xử lý: Lấy thuế suất 0%.

21. Mã 1211.90.98 có mô tả là Loại khác, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột;

22. Mã 1211.90.99 có mô tả là Loại khác

- Các mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Tại AIFTA, các mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số có mô tả là:

1211.90.9x - - - Cây kim cúc, đã cắt, nghiền hoặc dạng bột:

1211.90.9x.10 - - - - Dạng tươi hoặc khô

1211.90.9x.90 - - - - Dạng ướp lạnh hoặc đông lạnh

Tuy nhiên thuế suất các mã trên đều đã về 0% từ năm 2019.

- Phương án xử lý: Lấy thuế suất 0%.

23. Mã 3004.60.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác (Thuốc chứa chất chống sốt rét thuộc nhóm 30.04, nhưng không chứa artemisinin kết hợp với các thành phần có hoạt tính được khác, artesunate hoặc chloroquine)

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Mã hàng này được tách thành 2 mã 10 số tại AIFTA, với thuế suất năm 2022 như sau: 3004.60.90.10 (5%) và 3004.60.90.90 (5%)

- Phương án xử lý: Do đồng nhất thuế, giữ nguyên mã hàng lấy thuế suất 5%.

24. Mã hàng 3705.00.30 theo AHTN 2022 là tấm và phim để tạo ảnh, đã phơi sáng và đã tráng, trừ phim dùng trong điện ảnh, dùng cho in offset.

25. Mã hàng 3705.00.90 theo AHTN 2022 là loại khác của tấm và phim để tạo ảnh, đã phơi sáng và đã tráng, trừ phim dùng trong điện ảnh, ngoài loại dùng cho chụp X quang, vi phim và dùng cho in offset.

- Mỗi mã hàng 3705.00.30 và 3705.00.90 tương quan với một phần của mã 3705.00.90 theo AHTN 2017. Mã 3705.00.90 theo AHTN 2017 là loại khác của tấm và phim để tạo ảnh, đã phơi sáng và đã tráng, trừ phim dùng trong điện ảnh, ngoài loại dùng cho chụp X quang và vi phim, đã được tách thành 02 mã 10 số tại AIFTA, cụ thể:

3705.00.90.10: - - Dùng cho in offset

3705.00.90.90: - - Loại khác

- Do vậy, mã hàng 3705.00.30 và 3705.00.90 theo AHTN 2022 tương quan 1-1 lần lượt với mã 3705.00.90.10 và 3705.00.90.90 theo AHTN 2017.

- Phương án xử lý: Mã hàng 3705.00.30 theo AHTN 2022 lấy cam kết theo mã 3705.00.90.10 theo AHTN 2017 và 3705.00.90 theo AHTN 2022 lấy cam kết theo mã 3705.00.90.90 theo AHTN 2017.

26. Mã 3808.52.20 (AHTN 2022) có mô tả là Thuốc trừ nấm và thuốc trừ côn trùng dạng bình xịt, DDT (ISO) (clofenotane (INN)), đã đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300 g (nêu trong Chú giải phân nhóm 1 của Chương 38)

- Tương quan với 1 phần mã AHTN 2017 8 số là mã 3808.52.90.

Trong đó, Mã 3808.52.90 được tách thành 5 mã 10 số tại AIFTA. Căn cứ theo mô tả, mã AHTN 2022 được xác định chỉ tương quan với mã 3808.52.90.10: Thuốc trừ côn trùng và mã 3808.52.90.20: Thuốc diệt nấm.

Tuy nhiên thuế suất các mã trên đều đã về 0% từ năm 2022.

- Phương án xử lý: Lấy thuế suất 0%.

27. Mã 3808.52.90 (AHTN 2022) có mô tả là DDT (ISO) (clofenotane (INN)), đã đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300 g (nêu trong Chú giải phân nhóm 1 của Chương 38) loại khác, không bao gồm: thuốc bảo quản gỗ, là chế phẩm chứa chất trừ côn trùng hoặc trừ nấm, trừ chất phủ bề mặt và thuốc trừ nấm và thuốc trừ côn trùng dạng bình xịt.

- Tương quan với mã 3808.52.90. Trong đó, mã 3808.52.90 được tách thành 5 mã 10 số tại AIFTA.

Tuy nhiên thuế suất các mã trên đều đã về 0% từ năm 2022.

- Phương án xử lý: Lấy thuế suất 0%.

28. Mã 3808.59.11 (AHTN 2022) có mô tả là Thuốc trừ côn trùng dạng bình xịt, nêu trong Chú giải phân nhóm 1 của Chương 38, không bao gồm DDT (ISO) (clofenotane (INN)), đã đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g.

- Được gộp từ một phần mã 3808.59.10 (Thuốc trừ côn trùng, nêu trong Chú giải phân nhóm 1 của Chương 38, không bao gồm DDT (ISO) (clofenotane (INN)), đã đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300 g) và mã 3808.91.30 (Thuốc trừ côn trùng dạng bình xịt, không bao gồm loại đã nêu trong Chú giải phân nhóm 1 và 2 của Chương 38).

Trong đó, mã 3808.59.10 được tách thành 3 dòng 10 số, tuy nhiên, căn cứ mô tả, mã 3808.59.11 được xác định là chỉ tương quan với mã 3808.59.10.20 có mô tả là Hương vòng chống muỗi, tấm thuốc diệt muỗi và các loại thuốc trừ côn trùng khác, dạng bình xịt.

- Tại AIFTA: Mã 3808.59.10.20 và Mã 3808.91.30 có thuế suất đã về 0%
- Phương án xử lý: Giữ nguyên mã hàng, lấy thuế suất 0%.

29. Mã 3808.59.19 (AHTN 2022) có mô tả là Thuốc trừ côn trùng loại khác ngoài dạng bình xịt, nêu trong Chú giải phân nhóm 1 của Chương 38, không bao gồm DDT (ISO) (clofenotane (INN)), đã đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g.

- Được gộp từ là một phần mã 3808.59.10 và mã 3808.91.90: Thuốc trừ côn trùng loại khác. Trong đó, mã 3808.59.10 được tách thành 3 dòng 10 số tại AIFTA.

- Thuế suất các mã trên đều đã về 0% từ năm 2019.
- Phương án xử lý: Lấy thuế suất 0%.

30. Mã 3808.61.40 (AHTN 2022) có mô tả là loại khác, dạng lỏng, ngoài hương vòng chống muỗi, tấm thuốc diệt muỗi và dạng bình xịt của loại đã đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g của hàng hóa nêu trong Chú giải phân nhóm 2 của Chương 38 (Mã hàng này giữ nguyên mã, phạm vi so với mã AHTN 2017).

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.
- Được tách dòng 10 số tại AIFTA, tuy nhiên thuế suất hiện đã đồng nhất là 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng tại các FTA hiện hành, lấy thuế suất 0%.

31. Mã 3808.61.90 (AHTN 2022) có mô tả là loại khác ngoài hương vòng chống muỗi, tấm thuốc diệt muỗi, dạng bình xịt, dạng lỏng, và có chức năng khử mùi của loại đã đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 300g thuộc hàng hóa nêu trong Chú giải phân nhóm 2 của Chương 38.

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách dòng 10 số tại AIFTA. Thuế suất hiện đã đồng nhất là 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng, lấy thuế suất về 0%.

32. Mã 3808.62.50 (AHTN 2022) có mô tả là loại khác, dạng lỏng, ngoài bột dùng làm hương vòng chống muỗi, hương vòng chống muỗi, tấm thuốc diệt muỗi và dạng bình xịt của loại đã đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5kg thuộc hàng hóa nêu trong Chú giải phân nhóm 2 của Chương 38

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách thành 2 dòng 10 số theo AIFTA, tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng và lấy thuế suất 0%.

33. Mã 3808.62.90 (AHTN 2022) có mô tả là loại khác, ngoài bột dùng làm hương vòng chống muỗi, hương vòng chống muỗi, tấm thuốc diệt muỗi, dạng bình xịt, và dạng lỏng của loại đã đóng gói với trọng lượng tịnh trên 300g nhưng không quá 7,5 kg của hàng hóa nêu trong Chú giải phân nhóm 2 của Chương 38.

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách dòng 10 số tại AIFTA. Thuế suất hiện đã đồng nhất là 0%,

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng và lấy thuế suất 0%.

34. Mã 3808.69.10 (AHTN 2022) có mô tả là bột dùng làm hương vòng chống muỗi đã đóng gói với trọng lượng tịnh trên 7,5 kg của hàng hóa nêu trong Chú giải phân nhóm 2 của Chương 38. (Mã hàng này giữ nguyên mã, phạm vi so với mã AHTN 2017).

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách dòng 10 số tại AIFTA. Thuế suất hiện đã đồng nhất là 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng và lấy thuế suất 0%.

35. Mã 3808.69.90 (AHTN 2022) có mô tả là loại khác, với trọng lượng tịnh trên 7,5 kg, ngoài bột dùng làm hương vòng chống muỗi đã đóng gói của hàng hóa nêu trong Chú giải phân nhóm 2 của Chương 38. (Mã hàng này giữ nguyên mã, phạm vi so với mã AHTN 2017).

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách dòng 10 số tại AIFTA. Thuế suất hiện đã đồng nhất là 0%,

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng và lấy thuế suất 0%.

36. Mã 3903.19.20 (AHTN 2022) có mô tả là Dạng hạt, viên, hạt cườm, vẩy, mảnh và các dạng tương tự

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách thành 2 dòng 10 số theo AIFTA, tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng và lấy thuế suất 0%.

37. Mã 3916.90.11 (AHTN 2022) có mô tả là Từ polypropylen

38. Mã 3916.90.12 (AHTN 2022) có mô tả là Từ polystyrene

39. Mã 3916.90.19 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

40. Mã 3916.90.30 (AHTN 2022 có mô tả là Từ cellulose tái sinh; từ cellulose nitrate, cellulose acetate và các este cellulose, ete cellulose và các dẫn xuất hóa học khác của cellulose, đã hóa dẻo

- Các mã này được tách từ mã 3916.90.70 có mô tả là Từ các polyme trùng hợp khác; từ xenlulo tái sinh; từ nitrat xenlulo, acetat xenlulo và các este xenlulo khác, các ete xenlulo và các dẫn xuất hóa học khác của xenlulo, đã hóa dẻo.

- Mã hàng này hiện được tách thành 2 dòng 10 số theo AIFTA, tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng và lấy thuế suất 0%.

41. Mã 3916.90.21 (AHTN 2022) có mô tả là Từ các nhựa phenolic; từ các nhựa amino

42. Mã 3916.90.22 (AHTN 2022) có mô tả là Từ các polyamide

43. Mã 3916.90.29 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

- Các mã này được tách từ mã 3916.90.80 có mô tả là Từ các sản phẩm polyme trùng ngưng hoặc tái sắp xếp.

- Mã hàng này hiện được tách thành 2 dòng 10 số theo AIFTA, tuy nhiên thuế suất đã đồng nhất về 0%.

- Phương án xử lý: Không tiếp tục tách dòng và lấy thuế suất 0%.

44. Mã hàng 4011.90.10 (AHTN 2022) có mô tả là Loại dùng cho xe thuộc Chương 87

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách thành 2 các dòng 10 số tại AIFTA, có mô tả là:

4011.90.10 - - Loại dùng cho xe thuộc Chương 87

4011.90.10.10 - - - Có hoa lớp hình chữ chi hoặc tương tự

4011.90.10.90 - - - Loại khác

Có thuế suất tương ứng vào năm 2022 là 4011.90.10.10 (0%) và 4011.90.10.90 (* - không cam kết (MFN 20%)).

- Phương án xử lý: Bảo lưu việc tách dòng 10 số.

45. Mã hàng 4011.90.20 (AHTN 2022) có mô tả là Loại dùng cho máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và không có thay đổi về phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách thành 2 các dòng 10 số tại AIFTA, có mô tả là:

4011.90.20 - - Loại dùng cho máy thuộc nhóm 84.29 hoặc 84.30

4011.90.20.10 - - - Có hoa lớp hình chữ chi hoặc tương tự

4011.90.20.90 - - - Loại khác

Có thuế suất tương ứng vào năm 2022 là 4011.90.20.10 (0%) và 4011.90.20.90 (* - không cam kết (MFN 20%)).

- Phương án xử lý: Bảo lưu việc tách dòng 10 số.

46. Mã hàng 4011.90.90 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

- Được gộp từ 2 mã là 4011.90.30 có mô tả là Loại khác, có chiều rộng trên 450 mm, và 4011.90.90 có mô tả là Loại khác.

- Tại AIFTA, các mã hàng này đều được tách thành 2 dòng 10 số có mô tả là:

- - - Có hoa lớp hình chữ chi hoặc tương tự (4011.90.30.10/4011.90.90.10)

- - - Loại khác (4011.90.30.90/4011.90.90.90)

Thuế suất chênh lệch tương ứng theo các cặp 10 số tuy nhiên tương đồng ở cả 2 mã 8 số.

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại các FTA trên, cụ thể như sau:

4011.90.90 - - Loại khác:

4011.90.90.10 - - - Có hoa lớp hình chữ chi hoặc tương tự (Tương quan với mã 4011.90.30.10/4011.90.90.10)

4011.90.90.90 - - - Loại khác (Tương quan với mã 4011.90.30.90/4011.90.90.90)

47. Mã hàng 4811.90.49 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

- Mã hàng này giữ nguyên mã số và phạm vi so với AHTN 2017.

- Được tách thành 2 mã 10 số tại AIFTA là 4811.90.49.10 có mô tả là Giấy làm nền sản xuất giấy nhôm (thuế suất 4%) và 4811.90.49.90 có mô tả Loại khác (thuế suất 8%)

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại AIFTA

48. Mã 4811.90.93 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác, tấm xenlulo hoặc màng xơ sợi xenlulo

49. Mã hàng 4811.90.99 (AHTN 2022) có mô tả là Loại khác

- Các mã hàng này được tách từ mã 4811.90.99 có mô tả là Loại khác

- Được tách thành 2 mã 10 số tại AIFTA là 4811.90.99.10 có mô tả là Giấy làm nền sản xuất giấy nhôm (thuế suất 4%) và 4811.90.99.90 có mô tả Loại khác (thuế suất 8%)

- Phương án xử lý: Bảo lưu phương án tách dòng tại AIFTA và lấy tương quan với mã 10 số tương ứng của AHTN 2017.

50. Mã hàng 8418.10.40 (AHTN 2022) có mô tả Phù hợp dùng trong y tế, phẫu thuật hoặc phòng thí nghiệm

- Gộp từ một phần mã 8418.50.11 có mô tả Phù hợp dùng trong y tế, phẫu thuật hoặc phòng thí nghiệm (Quầy hàng, tủ bày hàng và các loại tương tự, có lắp thiết bị làm lạnh, dung tích trên 200 lít) và một phần mã 8418.50.91 có mô tả Loại khác

- Chênh lệch thuế suất tại AIFTA, cụ thể như sau: 8418.50.11 (4%) và 8418.50.91 (8%).

- Phương án xử lý: Tách dòng 10 số, cụ thể như sau:

8418.10.40 - - Phù hợp dùng trong y tế, phẫu thuật hoặc phòng thí nghiệm

8418.10.40.10 - - - Quầy hàng, tủ bày hàng và các loại tương tự, có lắp thiết bị làm lạnh, dung tích trên 200 lít (Tương quan với mã 8418.50.11)

8418.10.40.90 - - - Loại khác (Tương quan với mã 8418.50.91)

51. Về sản phẩm thuốc lá thuộc nhóm 24.04:

Theo danh mục AHTN 2022, Chương 24 về các mặt hàng “Thuốc lá và nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến” được bổ sung thêm các sản phẩm thuộc nhóm 24.04 là “Sản phẩm chứa lá thuốc lá, thuốc lá hoàn nguyên, nicotin, hoặc các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá hoặc các nguyên liệu thay thế nicotin, dùng để hút mà không cần đốt cháy; các sản phẩm chứa nicotin khác dùng để nạp nicotin vào cơ thể con người” trên cơ sở sự phát triển của ngành hàng thuốc lá phi truyền thống như thuốc lá điện tử dạng gel, thuốc lá sử dụng nguyên liệu thay thế nicotin.

Nhóm hàng này được hình thành trên cơ sở các sản phẩm là nguyên liệu thay thế lá thuốc lá (mã số 2403.99.30; 2403.99.90), các chất khác của sản phẩm, chế phẩm hóa học của ngành công nghiệp hóa chất hoặc ngành công nghiệp có liên quan chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác (mã số 3824.99.99) và hỗn hợp khác của hóa chất với thực phẩm để chế biến thực phẩm (mã số 2106.90.99). Tại bảng tương quan AHTN 2017-2022, có tất cả 10 mã hàng HS 2022 ở cấp độ 8 số của nhóm 2404 có tương quan 1:1 tương ứng với các mã HS 2017 lần lượt là 2403.99.30 (* - không cam kết), 2403.99.90 (* - không cam kết), 2106.90.99 (5%) và 3824.99.99 (0%). Theo đó, có 8/10 mặt hàng của nhóm 2404 sau khi chuyển đổi sang AHTN 2022 sẽ có thuế suất thấp từ 0% - 5% từ 1/12/2022.

Theo quan điểm phân loại trước đây của Việt Nam đối với những mặt hàng này sẽ được phân loại ở Chương 24 thay vì hóa chất có thuế suất thấp thuộc mã 2106.90.99 và 3824.99.99.

- Trường hợp thực hiện chuyển đổi theo tương quan 1:1, 8/10 mặt hàng của nhóm 2404 sẽ có thuế suất thấp từ 0% - 5%. Tuy nhiên, nhóm mặt hàng thuốc lá thuộc Chương 24 là các mặt hàng nhạy cảm, do đó, Bộ Tài chính trình TTCP áp dụng chính sách thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt các mặt hàng thuốc lá nhóm 2404 bằng mức thuế suất của các mặt hàng là nguyên liệu thay thế lá thuốc lá (mã số 2403.99.30; 2403.99.90), theo đó sẽ áp dụng chính sách thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt là không cam kết tương tự các mặt hàng thuốc lá thuộc Chương 24, được ký hiệu “*” tại Biểu thuế ban hành kèm Nghị định.

- Các vấn đề dự kiến có thể phát sinh: Trong khuôn khổ thực thi Hiệp định AIFTA mặc dù không có cơ chế rà soát kết quả chuyển đổi, tuy nhiên vẫn có khả năng phát sinh yêu cầu tham vấn của các thành viên và đề nghị Việt Nam thực hiện chuyển đổi biểu thuế đảm bảo nguyên tắc không làm xói mòn cam kết, yêu cầu Việt Nam áp dụng thuế suất 0%, cũng như có thể phát sinh vướng mắc về thực thi cam kết từ doanh nghiệp. Hiện nay, bảng tương quan chuyển đổi AHTN 2017 – 2022 đã được các nước ASEAN thông qua, do đó sẽ gặp khó khăn trong quá trình bảo vệ phương án quan điểm của Việt Nam.